

Bài 34

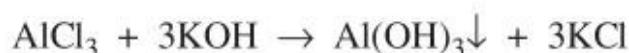
MỘT SỐ HỢP CHẤT QUAN TRỌNG CỦA NHÔM

6.49. D

6.50. A

Hướng dẫn : $n_{AlCl_3} = 0,1 \cdot 0,2 = 0,02$ (mol)

$n_{KOH} = 0,7 \cdot 0,1 = 0,07$ (mol)



0,02 0,06 0,02 (mol)



0,01 0,01 (mol)

$$m_{Al(OH)_3} = 78 \cdot 0,01 = 0,78$$
 (g)

6.51. C

6.52. A

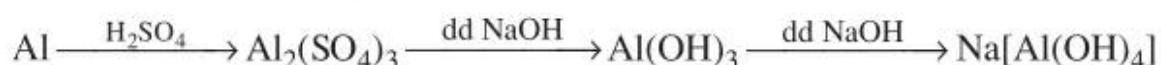
6.53. D

6.54. Hướng dẫn :

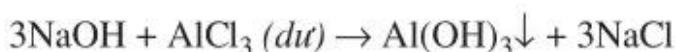
Điện phân dung dịch $CuSO_4$ được dung dịch H_2SO_4 .

Điện phân dung dịch $NaCl$ (có màng ngăn) được dung dịch $NaOH$.

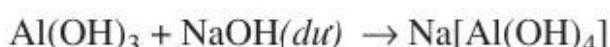
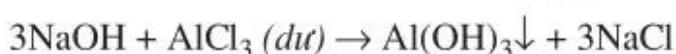
Thực hiện theo sơ đồ biến hoá sau :



6.55. – Nhỏ vài giọt dung dịch $NaOH$ vào ống nghiệm đựng dung dịch $AlCl_3$ sẽ có kết tủa vẫn đục, sau đó không tan do trong ống nghiệm có dư $AlCl_3$:



– Nhỏ vài giọt dung dịch $AlCl_3$ vào ống nghiệm đựng dung dịch $NaOH$ sẽ có kết tủa vẫn đục, sau đó kết tủa tan ngay do ống nghiệm có $NaOH$ dư :

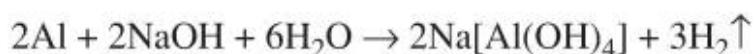


6.56. Hướng dẫn :

Thí nghiệm 1 : Bề mặt lá nhôm được bảo vệ bởi lớp màng Al_2O_3 . Màng này ngăn cản Al phản ứng với H_2O và CuSO_4 .

Thí nghiệm 2 : Màng Al_2O_3 bị phá huỷ trong dung dịch HCl . Khí thoát ra (H_2) do Al tác dụng với dung dịch HCl . Khuấy trong nước cát nhằm rửa sạch muối nhôm bám ngoài lá nhôm. Nhúng ngay lá nhôm trong dung dịch CuSO_4 sẽ xảy ra phản ứng Al khử Cu^{2+} .

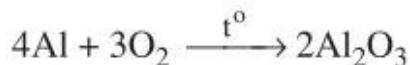
6.57. a) Phản ứng hoá học xảy ra :



- b) 5,4 g Al và 20,4 g Al_2O_3
- c) Thể tích dung dịch NaOH 4M là 150 ml.

6.58. Hướng dẫn :

Phương trình hoá học :



Thành phần khối lượng của hỗn hợp : 11,25% Al ; 88,75% $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$.